

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGÔ THỊ THẢO

PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP
HUYỆN ĐIỆN BÀN TỈNH QUẢNG NAM

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển
Mã số: 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng – Năm 2015

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. NGUYỄN MẠNH TOÀN**

Phản biện 1: PGS.TS. Đào Hữu Hòa

Phản biện 2: TS. Huỳnh Huy Hòa

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Kinh tế Phát triển họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 24 tháng 04 năm 2015

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Công nghiệp là một bộ phận trong cơ cấu nền kinh tế quốc dân và được đánh giá là ngành kinh tế chủ đạo. Sự phát triển của công nghiệp có ý nghĩa quan trọng, đóng góp và tạo ra thu nhập cho đất nước, của cải cho xã hội, tích lũy vốn cho phát triển, là động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy các ngành kinh tế khác cùng phát triển.

Điện Bàn là huyện nằm ở phía Đông Bắc tỉnh Quảng Nam, có nhiều tiềm năng và lợi thế phát triển. Những năm gần đây, huyện Điện Bàn đã đạt được những bước chuyển biến tích cực về tăng trưởng kinh tế và giải quyết những vấn đề xã hội. Tuy nhiên sự phát triển công nghiệp trên địa bàn vẫn chưa đạt được kì vọng đặt ra như: phát triển chậm; định hướng phát triển chưa hợp lý; quy mô các doanh nghiệp chủ yếu là nhỏ; trình độ phát triển thấp; sự phát triển của công nghiệp vẫn dựa vào nguồn lực bên ngoài là chính; đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ khoa học – kĩ thuật, trình độ người lao động nhìn chung chưa đáp ứng được yêu cầu cho sự phát triển ngành công nghiệp... Do vậy, vấn đề cấp thiết hiện nay là cần phải tạo ra bước phát triển đột phá về công nghiệp, đưa huyện Điện Bàn trở thành trung tâm kinh tế văn hóa của tỉnh.

Xuất phát từ vấn đề nêu trên, tôi lựa chọn đề tài “*Phát triển công nghiệp huyện Điện Bàn tỉnh Quảng Nam*” làm đề tài luận văn cao học, chuyên ngành kinh tế phát triển, vì nó cần thiết và phù hợp với xu thế khách quan của huyện Điện Bàn nói riêng và tỉnh Quảng Nam nói chung.

2. Mục tiêu nghiên cứu của luận văn

Một là, làm rõ những lý luận và kinh nghiệm thực tiễn liên quan đến vấn đề phát triển công nghiệp.

Hai là, đánh giá thực trạng phát triển công nghiệp của địa phương trong giai đoạn 2005 - 2013, từ đó chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân.

Ba là, đề xuất một số giải pháp có tính thực tiễn để giải quyết các vấn đề còn tồn tại, thúc đẩy sự phát triển công nghiệp huyện.

3. Phạm vi và đối tượng nghiên cứu

3.1. Phạm vi nghiên cứu:

- Về không gian: Địa bàn huyện Điện Bàn
- Về thời gian: Trong phạm vi 15 năm, bao gồm: phần phân tích, đánh giá thực trạng giai đoạn 2005 – 2013; phương hướng và giải pháp đến năm 2020.

3.2. Đối tượng nghiên cứu:

Các mối quan hệ kinh tế - xã hội trong nội bộ ngành công nghiệp và giữa công nghiệp với các ngành khác phát sinh trong quá trình phát triển công nghiệp.

4. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng phổ biến và kết hợp các phương pháp chủ yếu sau đây: phương pháp phân tích thống kê, phương pháp so sánh, tổng hợp các nguồn số liệu.

5. Bố cục đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm có 3 chương, cụ thể:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về phát triển công nghiệp.

Chương 2: Thực trạng phát triển công nghiệp huyện Điện Bàn giai đoạn 2005-2013

Chương 3: Phương hướng và giải pháp cơ bản đẩy mạnh phát triển công nghiệp huyện Điện Bàn đến năm 2020

6. Tổng quan nghiên cứu

Nghiên cứu trong nước

Theo Vũ Thị Ngọc Phụng (2005) và Bùi Quang Bình (2010)

đã khẳng định vai trò của công nghiệp đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong tiến trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa; công nghiệp giúp đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế và gia tăng thu nhập quốc gia.

Theo Đỗ Hoài Nam (2009), trong tác phẩm “*Mô hình Công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa – con đường và bước đi*”, NXB Khoa học và xã hội Hà Nội, đã xác định những đường nét chính của mô hình công nghiệp hóa – hiện đại hóa trong giai đoạn hội nhập.

Lê Bàn Thạch, “*Công nghiệp hoá NIES Đông Á và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam*”, NXB Hà Nội: Thế giới, 2000. Tác giả nêu lên đặc điểm, bước đi, thành tựu, một số bài học trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa – hiện đại hóa ở nước ta và việc vận dụng kinh nghiệm NIES Đông Á.

Tạp chí: Quản lý Nhà nước – số 23 “*Công nghiệp Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế thế giới*”. Tạp chí: Diễn đàn nhân dân Quảng Nam – số 19 “*Điện Bàn – Hướng đến thị xã tương lai*”.

Đề tài khoa học “*Phát triển cụm công nghiệp trong tiến trình đô thị hóa huyện Điện Bàn tỉnh Quảng Nam*” – đánh giá thực trạng phát triển cụm công nghiệp nói riêng ở huyện Điện Bàn.

Luận văn thạc sĩ “*Một số giải pháp nhằm thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp ở Quảng Nam - trường hợp khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc*” – Võ Xuân Thu. Tác giả nêu lên những vấn đề lý luận về khu công nghiệp và giải pháp thu hút đầu tư vào khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam.

Nghiên cứu nước ngoài

Theo Rognar Nurkse và Paul Rosenten (1959), tăng trưởng công nghiệp phụ thuộc vào nhiều ngành công nghiệp đồng thời trong một giai đoạn phát triển.

Theo Chenery và Taylor (1968), tăng trưởng và phát triển công nghiệp được thực hiện thông qua việc tập trung nguồn lực quốc gia cho các ngành công nghiệp chủ yếu được lựa chọn tương ứng với từng giai đoạn phát triển cụ thể nhất định.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP

1.1. TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP

1.1.1. Khái niệm công nghiệp

Công nghiệp là một bộ phận của nền kinh tế, là lĩnh vực sản xuất vật chất mà sản phẩm được chế tạo, chế biến cho nhu cầu tiêu dùng hoặc phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh tiếp theo. Đây là hoạt động kinh tế, sản xuất quy mô lớn, được sự hỗ trợ thúc đẩy mạnh mẽ của các tiến bộ về khoa học, kỹ thuật và công nghệ. [Theo Wikipedia].

1.1.2. Phân loại ngành công nghiệp

Theo cách phân loại của tổng cục Thống kê, công nghiệp được chia thành ba nhóm ngành: công nghiệp khai thác, công nghiệp chế biến và công nghiệp điện, khí, nước.

1.1.3. Đặc điểm của sản xuất công nghiệp.

Thứ nhất: Tính chất hai giai đoạn của quá trình sản xuất.

Thứ hai: Sản xuất công nghiệp có xu hướng phân bố ngày càng tập trung cao độ theo lãnh thổ.

Thứ ba: Đặc điểm về công nghệ sản xuất.

Thứ tư: Đặc điểm về sự biến đổi của các đối tượng lao động.

1.1.4. Vị trí và vai trò của ngành công nghiệp

a. Vị trí của công nghiệp trong nền kinh tế

- Công nghiệp là bộ phận cấu thành cơ cấu công nghiệp – nông nghiệp – dịch vụ

- Công nghiệp là ngành không chỉ khai thác tài nguyên mà còn tiếp tục chế biến các loại nguyên liệu nguyên thủy để sản xuất ra sản phẩm cuối cùng.

- Sự phát triển của ngành công nghiệp là một yếu tố có tính quyết định để thực hiện quá trình CNH – HĐH toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

b. Vai trò của công nghiệp với phát triển kinh tế

Thứ nhất, công nghiệp đóng góp vào sự tăng trưởng của nền kinh tế quốc dân

Thứ hai, công nghiệp sản xuất và cung cấp các tư liệu sản xuất cho toàn bộ nền kinh tế.

Thứ ba, công nghiệp thúc đẩy sản xuất nông nghiệp.

Thứ tư, công nghiệp cung cấp đại bộ phận hàng tiêu dùng cho dân cư.

Thứ năm, công nghiệp thu hút lao động nông nghiệp, góp phần giải quyết việc làm cho xã hội.

Thứ sáu, công nghiệp tạo ra hình mẫu ngày càng hoàn thiện về tổ chức sản xuất.

1.2. NỘI DUNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP

Phát triển công nghiệp trước hết là phải có sự gia tăng về quy mô sản lượng của ngành, sự thay đổi cơ cấu của ngành công nghiệp theo hướng tích cực, phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Phát triển công nghiệp phải thực sự gia tăng thu nhập cho nhân dân, đáp ứng nhu cầu đời sống vật chất tinh thần ngày càng cao của xã hội.

1.2.1. Mở rộng quy mô, duy trì tốc độ phát triển công nghiệp

Phát triển công nghiệp theo chiều rộng bằng cách tăng quy mô sản xuất, vốn và quy mô lao động

- *Giá trị sản xuất công nghiệp (GO)*: Chỉ tiêu này thường được sử dụng để đo lường kết quả sản xuất công nghiệp của một thời kỳ nhất định. Giá trị sản xuất công nghiệp được tính theo giá cố định và giá hiện hành. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp được tính bằng giá cố định.

- *Giá trị gia tăng (VA)*: Đây là chỉ tiêu cốt lõi phản ánh tăng trưởng về sản lượng công nghiệp, đồng thời là chỉ tiêu định lượng để phản ánh chất lượng tăng trưởng. $VA=GO-IC$.

Tỷ lệ giữa giá trị gia tăng (VA_{CN}) và giá trị sản xuất công nghiệp (GO_{CN}) là một chỉ tiêu quan trọng dùng để đánh giá chất lượng tăng trưởng công nghiệp. Tỷ lệ này càng cao phản ánh hiệu quả trong sản xuất công nghiệp.

- *Tốc độ phát triển liên hoàn*: Thể hiện sự biến đổi của đối tượng nghiên cứu giữa hai giai đoạn liên tiếp (hoặc 2 năm liên tiếp) và được tính theo công thức:

$$y_i = \frac{Y_i - Y_{i-1}}{Y_{i-1}} \times 100\%$$

Trong đó: y_i : Tốc độ phát triển giá trị sản xuất công nghiệp

Y_i : Giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn i

Y_{i-1} : Giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn $i-1$

- *Tốc độ phát triển bình quân*: chỉ tiêu này phản ánh mức độ phát triển trung bình trong cả giai đoạn nghiên cứu.

$$y = \sqrt[n-1]{(Y_t/Y_1)} \times 100\% \quad (1.2)$$

Trong đó: \bar{y} : Tốc độ phát triển bình quân

Y_t : Giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn t

Y_1 : Giá trị sản xuất công nghiệp năm gốc

n : Số năm trong giai đoạn nghiên cứu

- *Số lượng, sản lượng sản phẩm công nghiệp*: phản ánh quy mô, tính đa dạng trong sản xuất sản phẩm công nghiệp.

- *Tăng trưởng về số lượng và quy mô cơ sở sản xuất công nghiệp*.

1.2.2. Đảm bảo cơ cấu công nghiệp hợp lý

Cơ cấu công nghiệp hợp lý là cơ cấu đa dạng nhưng thống nhất và có khả năng hỗ trợ tốt cho nhau, cho phép tạo ra các giá trị gia tăng lớn nhất. Để phát triển hiệu quả các ngành công nghiệp đã lựa chọn cần chuyển dịch cơ cấu ngành theo các mô hình liên kết như: liên kết giữa các ngành khai thác tài nguyên và chế biến tài nguyên thành các sản, liên kết giữa ngành công nghiệp chế biến với ngành sản xuất nông, lâm, thủy sản trên từng vùng lãnh thổ.

Cơ cấu công nghiệp theo vùng: phát triển công nghiệp theo vùng là nhằm khắc phục tình trạng phân bố công nghiệp mất cân đối giữa các vùng, địa phương.

Cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế: Nhà nước cần xác định cụ thể trong chiến lược phát triển công nghiệp lĩnh vực nào cần đầu tư, lĩnh vực nào thì khuyến khích các thành phần xã hội khác tham gia đầu tư.

1.2.3. Hoàn thiện các hình thức tổ chức sản xuất công nghiệp

Tổ chức sản xuất công nghiệp trên vùng, lãnh thổ là sự sắp xếp, phối hợp giữa các quá trình và cơ sở sản xuất công nghiệp trên một lãnh thổ nhất định để sử dụng hợp lý các nguồn lực có sẵn nhằm đạt hiệu quả cao về các mặt kinh tế, xã hội và môi trường.

Khu công nghiệp: là khu dành cho phát triển công nghiệp theo một quy hoạch cụ thể nào đó nhằm đảm bảo được sự hài hòa và cân bằng tương đối giữa các mục tiêu kinh tế, xã hội, môi trường. Những khu công nghiệp có quy mô nhỏ thường được gọi là cụm công nghiệp.

Khu chế xuất: Là khu công nghiệp đặc biệt chỉ dành cho việc sản xuất, chế biến những sản phẩm để xuất khẩu ra nước ngoài hoặc dành cho các loại doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ liên quan đến hoạt động xuất-nhập khẩu tại khu vực đó.

Khu kinh tế là khu vực có không gian kinh tế riêng biệt với môi trường đầu tư và kinh doanh.

1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP

1.3.1. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

Vị trí địa lý bao gồm vị trí tự nhiên, vị trí kinh tế, giao thông, chính trị. Vị trí địa lý thuận lợi hay không thuận lợi tác động mạnh tới việc tổ chức lãnh thổ công nghiệp, bố trí không gian các khu vực tập trung công nghiệp.

Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên được coi là tiền đề vật chất không thể thiếu được để phát triển và phân bố công nghiệp. Tài nguyên thiên nhiên chỉ trở thành một sức mạnh kinh tế khi con người biết khai thác và sử dụng nó một cách hiệu quả.

Khoáng sản: Đối với những ngành công nghiệp chủ chốt thì khoáng sản là một trong những nguồn tài nguyên thiên nhiên có ý nghĩa hàng đầu đối với việc phát triển và phân bố công nghiệp.

Các nhân tố tự nhiên khác cũng có tác động tới sự phát triển và phân bố công nghiệp như đất đai, tài nguyên sinh vật biển:

Khí hậu: Đặc điểm của khí hậu và thời tiết tác động không nhỏ đến hoạt động của các ngành công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp khai khoáng.

1.3.2. Đặc điểm kinh tế- xã hội

Đặc điểm dân cư và nguồn lao động: Dân cư và nguồn lao động là nhân tố quan trọng hàng đầu cho sự phát triển và phân bố công nghiệp. Nguồn lao động với trình độ chuyên môn kỹ thuật và khả năng tiếp thu khoa học kỹ thuật mới là cơ sở quan trọng để phát triển các ngành công nghệ cao và nâng cao hiệu quả sản xuất trong các ngành công nghiệp khác.

1.3.3. Các yếu tố về nguồn lực

- *Vốn sản xuất và vốn đầu tư:* Đối với sản xuất công nghiệp, vốn có vai trò quan trọng trong quá trình tái sản xuất và mở rộng; góp phần gia tăng năng lực sản xuất và nâng cao khả năng cạnh tranh nhờ đầu tư đổi thiết bị, công nghệ sản xuất.

- *Tiến bộ khoa học- công nghệ:* Tiến bộ khoa học- công nghệ không chỉ tạo ra những khả năng mới về sản xuất, đẩy nhanh tốc độ phát triển một số ngành, làm tăng tỉ trọng của chúng trong tổng thể toàn ngành công nghiệp, làm cho việc khai thác, sử dụng tài nguyên và phân bố các ngành công nghiệp trở nên hợp lý

1.3.4. Cơ sở hạ tầng

Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất- kỹ thuật phục vụ công nghiệp có thể là tiền đề thuận lợi hoặc cản trở sự phát triển công nghiệp, số lượng và chất lượng của cơ sở hạ tầng góp phần đảm bảo các mối liên hệ sản xuất, kinh tế, kỹ thuật giữa vùng nguyên liệu với nơi sản xuất, giữa các nơi sản xuất với nhau và giữa nơi sản xuất với địa bàn tiêu thụ sản phẩm.

1.3.5. Đường lối phát triển công nghiệp

Phù hợp với xu thế mở cửa và hội nhập, chúng ta đã xây dựng các ngành công nghiệp mũi nhọn dựa vào lợi thế so sánh như công nghiệp năng lượng (dầu khí, điện năng), công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản (dựa trên thế mạnh về nguyên liệu), công nghiệp nhẹ gia công xuất khẩu sử dụng nhiều lao động, công nghiệp cơ khí, điện tử, công nghệ thông tin và một số ngành sản xuất nguyên liệu cơ bản

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Để công nghiệp phát triển ổn định, lâu dài ngoài tăng cường mở rộng quy mô sản xuất để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của xã hội, thì vấn đề chất lượng tăng trưởng công nghiệp cần phải được quan tâm hơn nữa. Phát triển công nghiệp không chỉ đem lại sự gia tăng về quy mô đơn thuần mà thông qua đó phải góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao được hiệu quả trong sản xuất, nâng cao trình độ chuyên môn của lao động, tạo ra được các sản phẩm có giá trị cao, làm thay đổi bộ mặt đời sống kinh tế xã hội của nhân dân.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HUYỆN ĐIỆN BÀN GIAI ĐOẠN 2005 – 2013

2.1. NHỮNG ĐIỀU KIỆN TIỀN ĐỀ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HUYỆN ĐIỆN BÀN, TỈNH QUẢNG NAM

2.1.1. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

a. Vị trí địa lý

Điện Bàn có vị trí địa lý-kinh tế quan trọng đối với tỉnh và khu vực: nằm trên trục quốc lộ 1A, phía Nam thành phố Đà Nẵng và phía Bắc thành phố Tam Kỳ; Là nơi hội tụ các tài nguyên thiên nhiên đa dạng, có cơ sở hạ tầng giao thông tương đối hoàn chỉnh cho phép phát triển một nền kinh tế toàn diện và hiệu quả.

b. Điều kiện tự nhiên

Điện Bàn nằm trong khu vực có chế độ khí hậu nhiệt đới ẩm, gió mùa. Đồng thời là một huyện ven biển nên có ảnh hưởng của khí hậu ven biển miền Trung.

c. Tài nguyên, khoáng sản

Tài nguyên đất: Theo số liệu thống kê đất đến 31/12/2013, tổng diện tích đất tự nhiên toàn huyện có 21.428 ha. Khu vực vùng cát phía Đông ven biển là khu vực có địa hình tương đối bằng phẳng cấu trúc địa chất bền vững thuận lợi cho việc xây dựng các công trình xây dựng đô thị và công nghiệp.

Tài nguyên biển: Điện Bàn có bờ biển trải dài gần 8 km, chiều ngang trung bình 600m, chạy qua các xã Điện Ngọc, Điện Dương, nằm giữa tuyến ven biển Hội An- Đà Nẵng.

Tài nguyên nước: chủ yếu do mạng lưới sông ngòi cùng hệ thống hồ ao, mương máng và nước mưa cung cấp. Qua khảo sát thực tế và kết quả thăm dò địa chất cho thấy nguồn nước ngầm trên địa bàn được thăm dò tương đối tốt, độ sâu trung bình từ 3-5m.

2.1.2. Đặc điểm về dân cư và lao động.

Dân số: Năm 2013 dân số trung bình toàn huyện là 230.000 người, trong đó dân số đô thị chiếm khoảng 4,4%, dân số nông thôn 95,6%, nhìn chung dân số của huyện có cơ cấu trẻ.

Nguồn nhân lực: Số người trong độ tuổi lao động toàn huyện là 139.852 người. Số lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật và được đào tạo nghề chiếm tỉ lệ còn thấp, lao động thiếu việc làm ở khu vực nông thôn còn lớn.

2.1.3. Điều kiện hạ tầng

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của huyện được đầu tư khá tốt trong giai đoạn hiện nay. Quốc lộ 1A, đường cao tốc đi qua huyện, 8 tuyến tỉnh lộ với tổng chiều dài 58km, 9 tuyến huyện lộ với tổng chiều dài 46km. Huyện còn đầu tư phát triển mạng giao thông đô thị gồm 24 tuyến đường chính tại khu vực thị trấn Vĩnh Điện với tổng chiều dài 14,22km và 48,35km các tuyến đường đô thị tại đô thị mới Điện Nam – Điện Ngọc.

2.1.4. Đặc điểm về kinh tế - xã hội

Theo số liệu thống kê (2012), giá trị sản xuất công nghiệp huyện Điện Bàn chiếm 34,9% toàn tỉnh; Thu nhập (VA) bình quân đầu người của huyện cao hơn 1,2 lần so mức trung bình toàn tỉnh, góp phần nâng cao mức sống dân cư.

Tốc độ tăng trưởng GTSX toàn nền kinh tế của huyện tăng bình quân giai đoạn 2010 – 2012 là 18,89%/năm (tỉnh Quảng Nam là 15,16%/năm). Năm 2013 do ảnh hưởng bởi khủng hoảng kinh tế toàn cầu và cả nước nên tốc độ tăng chậm lại đạt 13,63% (tỉnh đạt 10,94%). Mức thu nhập bình quân đầu người năm 2012 đạt 23,65 triệu đồng/người, năm 2013 đạt 26,58 triệu đồng/người; tăng 12,39% và bằng 0,82 lần so với bình quân chung của cả nước.

Năm 2013 so với năm 2012 đạt các chỉ số: công nghiệp – xây dựng 74,76% (-0,48%); dịch vụ 20,36% (+0,99%) và nông nghiệp 4,88% (-0,51%).

2.2. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HUYỆN ĐIỆN BÀN GIAI ĐOẠN 2005 – 2013

2.2.1. Quy mô và tốc độ phát triển công nghiệp

a. Giá trị sản xuất công nghiệp

Theo số liệu thống kê, giá trị sản xuất công nghiệp của huyện Điện Bàn giai đoạn 2005 – 2013 tăng qua các năm. Nếu năm 2005, GTSX công nghiệp là 1122,47 tỷ đồng thì giá trị sản xuất công nghiệp đến năm 2013 đã lên đến 5700,96 tỷ đồng, gấp 5.08 lần, bình quân tăng 22,83%/năm.

b. Giá trị gia tăng công nghiệp

Tỷ lệ VA/GO cao cũng cho thấy trong cơ cấu công nghiệp đã có sự chuyển biến tích cực từ các ngành tạo ra giá trị gia tăng thấp

sang ngành công nghiệp chế biến chuyên sâu, hiện đại mang lại giá trị gia tăng cao.

c. Tỷ trọng đóng góp của ngành công nghiệp trong GDP huyện Điện Bàn

Trong giai đoạn 2005 – 2013, kinh tế huyện Điện Bàn đã có chuyển dịch theo xu hướng công nghiệp hóa – hiện đại hóa, gia tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ. Một số cụm công nghiệp thuộc các khu công nghiệp đã hình thành và đi vào hoạt động.

d. Sản lượng sản phẩm công nghiệp

Quy mô sản xuất mở rộng, năng lực sản xuất gia tăng, các sản phẩm công nghiệp cũng tạo ra nhiều hơn, đa dạng hơn để đáp ứng nhu cầu ngày cao của người dân. Công nghiệp chế biến chiếm đa số trong ngành sản xuất công nghiệp, với tỷ trọng từ 97 – 98% giá trị sản xuất công nghiệp toàn ngành. Các ngành khác có quy mô nhỏ, tốc độ tăng ổn định và chiếm tỷ trọng thấp từ 2-4%.

2.2.2. Số lượng và quy mô cơ sở sản xuất công nghiệp

a. Số lượng cơ sở sản xuất công nghiệp

Theo số liệu thống kê đến năm 2013, phân theo thành phần kinh tế toàn huyện có 1931 cơ sở sản xuất, trong đó số cơ sở sản xuất tư nhân là 1910 cơ sở; số cơ sở sản xuất có vốn đầu tư nước ngoài còn ít nhưng đã có xu hướng tăng, còn số cơ sở sản xuất nhà nước giảm dần. Tốc độ tăng trưởng số cơ sở sản xuất bình quân giai đoạn 2005-2012 là 4,22%/năm, đây cũng là con số khá cao. Song tốc độ tăng trưởng này rất không ổn định và có xu thế đi xuống.

b. Lao động trong công nghiệp

Theo số liệu thống kê năm 2013, số lao động công nghiệp là 31.586 người tăng gấp 2,37 lần so với năm 2005 là 13.330 người. Tốc độ tăng lao động công nghiệp bình quân giai đoạn 2005-2013 là 11,7%/năm.

Số lao động công nghiệp tập trung chủ yếu trong ngành công

nghiệp chế biến, chiếm tỷ trọng 99,56%. Số lao động trong công nghiệp khai khoáng và công nghiệp sản xuất, phân phối điện, nước, khí đốt hiện rất ít và đang có xu hướng giảm

c. Tình hình huy động vốn của các doanh nghiệp trong ngành sản xuất công nghiệp

Trong giai đoạn đầu 2005-2008, vốn đầu tư cho công nghiệp của huyện mới chỉ xấp xỉ một nửa so với tổng số vốn đầu tư toàn huyện, thì sang giai đoạn 2009-2013, hầu hết vốn đầu tư của huyện chủ yếu tập trung cho công nghiệp.

2.2.3. Cơ cấu công nghiệp

a. Cơ cấu công nghiệp theo ngành

Cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp huyện Điện Bàn bao gồm các ngành: chế biến nông, lâm, thủy hải sản – đây là ngành công nghiệp thế mạnh của huyện, chiếm đại đa số trong sản xuất công nghiệp với tỷ trọng 97-98% giá trị sản xuất toàn ngành; ngành sản xuất tơ tằm và dệt lụa; ngành dệt may; ngành sản xuất vật liệu xây dựng; thủ công mỹ nghệ tạo ra giá trị sản xuất chiếm tỷ trọng rất nhỏ.

b. Cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế

Trong cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp chia theo thành phần kinh tế gồm: khu vực công nghiệp trong nước (bao gồm cả khu vực nhà nước và khu vực ngoài nhà nước) và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Trong 5 năm đầu 2005-2010, giá trị sản xuất công nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm tỷ trọng lớn nhất, song có xu hướng giảm dần từ 81,35% năm 2005 xuống còn 49,29% năm 2010 và 40,42% năm 2013 thấp hơn tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Những năm gần đây, tỷ trọng GTSX công nghiệp khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài vượt lên dẫn đầu.

2.2.4. Hiện trạng khu công nghiệp và cụm công nghiệp

Trên địa bàn huyện Điện Bàn hiện có 1 khu công nghiệp (KCN) và 11 cụm công nghiệp (CCN).

a. Khu công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc

Tính đến thời điểm này, KCN Điện Nam – Điện Ngọc đã cho các nhà đầu tư thuê khoảng 201.2 ha đất sản xuất, thu hút được 49 dự án đầu tư vào KCN với tổng vốn đầu tư hơn 2.104,8 tỷ đồng và 289,117 triệu USD; giải quyết trực tiếp cho hơn 23.000 lao động.

Năm 2013, giá trị sản xuất công nghiệp của KCN Điện Nam – Điện Ngọc đạt 6.588 tỷ đồng, tăng 23,67% so với năm 2012 và chiếm tỷ trọng 37,86% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh Quảng Nam. Kim ngạch xuất khẩu đạt 249 triệu USD, chiếm tỷ trọng 41,78% giá trị kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh.

b. Các cụm công nghiệp

Tính đến tháng 12.2013 trên địa bàn huyện hiện có 11 CCN với tổng diện tích quy hoạch là 332 ha, trong đó diện tích đất công nghiệp là 213,52 ha. Tỷ lệ lấp đầy tại các CCN đạt khoảng 43,56%. Các CCN huyện Điện Bàn đã thu hút được 43 dự án đầu tư với tổng số vốn đăng ký là 2.133,65 tỷ đồng, vốn thực hiện được là 714,74 tỷ đồng chiếm 33,49% tổng số vốn đăng ký; giải quyết được 3.206 lao động

c. Trình độ lao động và công nghệ trong các KCN và CCN

Trình độ lao động: Về trình độ chuyên môn kỹ thuật của lao động trong công nghiệp chủ yếu ở trình độ thấp; trong đó cao đẳng, đại học trở lên chiếm 4,8%; trung học chuyên nghiệp 6,2%; công nhân kỹ thuật có bằng 1,8%, công nhân kỹ thuật chưa có bằng 8,9 %, sơ cấp chứng chỉ nghề 3,5%; còn lại phần lớn là lao động không có chuyên môn kỹ thuật.

Trình độ công nghệ: Nhìn chung công nghệ của các ngành đều lạc hậu Thiết bị hầu hết không đồng bộ và mang tính chấp vá, nhiều thiết bị sử dụng

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP HUYỆN ĐIỆN BÀN GIAI ĐOẠN 2005 – 2013

2.3.1. Đánh giá những thành tựu đạt được

Quy mô sản xuất công nghiệp ngày càng được mở rộng, tốc độ tăng trưởng số cơ sở sản xuất bình quân giai đoạn 2005-2013 là 4.22%/năm, giải quyết được 29.471 lao động.

Cơ sở hạ tầng phục vụ cho sản xuất công nghiệp ngày càng hoàn thiện. Hiện nay, có khu công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc đã có hệ thống cơ sở hạ tầng khá hoàn chỉnh, thu hút nhiều nhà đầu tư vào sản xuất, đặc biệt thu hút được nhiều dự án đầu tư nước ngoài.

2.3.2. Đánh giá những hạn chế và nguyên nhân trong phát triển công nghiệp huyện

Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp tuy tăng nhưng không ổn định. Nguyên nhân là do quá trình đổi mới diễn ra chậm, đầu tư phát triển công nghiệp.

Mặc dù lao động công nghiệp tăng nhưng tỷ trọng trong cơ cấu lao động của huyện lại mất cân đối. Trình độ lao động thấp, tay nghề chuyên môn chưa cao, do quá ít cơ sở đào tạo nhân lực với chất lượng còn hạn chế.

Công nghệ trong sản xuất công nghiệp vẫn còn tương đối thấp, trang thiết bị máy móc, dây chuyền nhìn chung vẫn còn lạc hậu, hiệu suất thấp, gây lãng phí về nguồn lực, tăng chi phí sản xuất, từ đó giảm sức cạnh tranh của sản phẩm.

2.3.3. Những vấn đề cần giải quyết đối với sự phát triển công nghiệp huyện

Thứ nhất: Sự phát triển công nghiệp dường như không thúc

đẩy quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp – nông thôn, không phát huy được lợi thế vị trí địa lý, tài nguyên và con người của huyện.

Thứ hai: Quy mô sản xuất công nghiệp cao nhưng sản xuất ngày càng phụ thuộc vào nguồn bên ngoài.

Thứ ba: Trình độ lao động thấp, tay nghề chuyên môn chưa cao, hệ thống đào tạo trong thời gian ngắn.

Thứ tư: Công nghệ trong sản xuất công nghiệp vẫn còn tương đối thấp, trang thiết bị máy móc, dây chuyền nhìn chung vẫn còn lạc hậu

Thứ năm: Có nhiều biến động về giá cả nguyên nhiên liệu, vật tư, việc tiếp cận các nguồn vốn vay còn khó khăn.

Thứ sáu: Các cơ sở công nghiệp phân bố chưa tập trung. Công tác quản lý quy hoạch đô thị, kiến trúc và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng chưa được triển khai đồng bộ.

Thứ bảy: Tình trạng ô nhiễm môi trường trong các cụm công nghiệp đang là vấn đề bức bách.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Những năm qua, cùng với phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh, ngành công nghiệp huyện Điện Bàn đã có những đóng góp quan trọng làm thay đổi bộ mặt đời sống kinh tế - xã hội, tạo thêm được nhiều việc làm cho lao động, nâng cao thu nhập và đời sống nhân dân và sản xuất ra được nhiều sản phẩm, đáp ứng cho nhu cầu của địa phương và thị trường trong nước và quốc tế. Tuy nhiên, nhìn khách quan nền công nghiệp của huyện Điện Bàn hiện nay còn nhiều hạn chế và cần giải quyết.

CHƯƠNG 3
PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CƠ BẢN ĐẨY MẠNH
PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HUYỆN ĐIỆN BÀN
ĐẾN NĂM 2020

3.1. ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HUYỆN ĐIỆN BÀN ĐẾN NĂM 2020

3.1.1. Định hướng phát triển công nghiệp huyện Điện Bàn

1) Phấn đấu đến năm 2020 đưa Điện Bàn cơ bản trở thành huyện công nghiệp với tỉ trọng công nghiệp chiếm ưu thế trong cơ cấu kinh tế.

2) Đặc biệt cần gắn kết với công nghiệp thành phố Đà Nẵng, phát huy lợi thế và khai thác các nguồn lực từ thành phố lớn; tạo nên vành đai công nghiệp vệ tinh, liên kết hợp tác trong sản xuất, tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm, trong đào tạo lao động, chuyển giao kỹ thuật-công nghệ v.v.

3) Tiếp tục mở rộng và phát huy hiệu quả Khu công nghiệp Điện Nam-Điện Ngọc giai đoạn II và tập trung xây dựng hạ tầng cho 11 cụm công nghiệp của huyện.

4) Ưu tiên phát triển những ngành sản xuất ra khối lượng và giá trị sản phẩm hàng hoá lớn, tạo được nhiều việc làm cho lao động

5) Đầu tư chiều sâu cải tiến máy móc thiết bị, tiếp cận công nghệ mới trong từng doanh nghiệp, từng hộ sản xuất, đặc biệt là trong các ngành mũi nhọn.

6) Phát triển công nghiệp -TTCN phải gắn với quy hoạch mạng lưới đô thị và các điểm dân cư tập trung

7) Phát triển công nghiệp trong mối quan hệ phát triển hài hòa với các ngành kinh tế khác như nông nghiệp, du lịch; gắn ngay từ đầu vấn đề phát triển công nghiệp với bảo vệ môi trường, sức khỏe nhân dân và đảm bảo phát triển bền vững.

Mục tiêu phát triển công nghiệp huyện Điện Bàn

- Phần đầu giá trị sản xuất công nghiệp (giá Đ 1994) thời kỳ 2016- 2020 tăng từ 16,5% - 17,5%/năm.

- Ngành công nghiệp năm 2020 thu hút khoảng 61,7 nghìn lao động, chiếm 48,4% lao động toàn tỉnh. Thu nhập GDP/người đến năm 2020 tăng hơn 2 lần so với năm 2015.

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH – HĐH, tăng nhanh tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ. Đến năm 2020, tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp tương ứng là 56%, 31% và 13%.

3.1.2. Phát triển các Khu, Cụm công nghiệp tập trung.

a. Khu công nghiệp tập trung Điện Ngọc -Điện Nam

Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho Khu công nghiệp Điện Nam-Điện Ngọc của huyện giai đoạn II với qui mô diện tích 273 ha nhằm tiếp tục thu hút thêm các dự án đầu tư mới. Xây dựng các công trình xử lý rác thải, nước thải của khu công nghiệp, chống ô nhiễm, bảo vệ sinh môi trường sinh thái.

b. Các cụm công nghiệp do huyện quản lý

* *Giai đoạn 2015-2020:* tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng các cụm công nghiệp còn lại, từng bước xây dựng các hạng mục công trình hạ tầng, mở rộng thêm qui mô diện tích, tạo điều kiện thuận lợi tiếp tục thu hút các dự án đầu tư phát triển.

3.1.3. Phát triển các ngành công nghiệp- TTCN

a. Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy hải sản: Tập trung đầu tư tăng cường năng lực chế biến, khuyến khích đầu tư cải tiến, đổi mới công nghệ

b. Sản xuất tơ tằm và dệt lụa: Duy trì một số các làng truyền thống về trồng dâu, ương tơ, dệt lụa ở các xã vùng Gò Nổi và dọc sông Thu Bồn kết hợp với phát triển du lịch, tăng cơ hội quảng bá sản phẩm và khả năng xuất khẩu tại chỗ.

c. Ngành dệt may: Tăng cường liên kết với ngành dệt, liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp may lớn trong và ngoài tỉnh để mở rộng đối tác, tạo nguồn hàng, nhận làm gia công, ủy thác và tạo thị trường xuất.

d. Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng: Đầu tư sử dụng công nghệ cao, kỹ thuật tiến tiến trong sản xuất vật liệu xây dựng, nhằm đẩy mạnh sản xuất, tăng năng suất, hiệu quả và giảm ô nhiễm môi trường.

e. Công nghiệp cơ khí: Cần khuyến khích mở rộng và phát triển mạnh các cơ sở cơ khí trên khắp các địa bàn trong huyện nhằm thúc đẩy cơ khí hóa sản xuất nông nghiệp.

g. Phát triển các làng nghề thủ công mỹ nghệ: Chú trọng đổi mới công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm, xây dựng các thương hiệu các sản phẩm.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HUYỆN ĐIỆN BÀN ĐẾN NĂM 2020

3.2.1. Giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp

Để việc chuyển dịch cơ cấu đi đúng hướng, trước hết cần xác định rõ mối quan tâm ưu tiên và những lĩnh vực nên hạn chế. Có kế hoạch điều chỉnh hợp lý để giảm tỷ trọng các ngành truyền thống, lợi nhuận thấp, thị trường thu hẹp, tăng tỷ trọng các ngành có sản phẩm tinh chế với hàm lượng công nghệ cao.

3.2.2. Giải pháp về phát triển vốn đầu tư vào ngành công nghiệp

- Thành lập quỹ bảo lãnh, bảo hiểm tín dụng, hỗ trợ doanh nghiệp, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư.
- Có thể tạo điều kiện cho vay tín chấp, vay không đảm bảo đối với những doanh nghiệp uy tín, chấp hành luật pháp.
- Lành mạnh hóa thị trường tài chính để hạ thấp chi phí vốn

vay cho doanh nghiệp. Giữ lãi suất ổn định ở mức hợp lý, đơn giản hóa thủ tục vay vốn, đa dạng hóa các hình thức vay vốn như bảo lãnh tín dụng...

- Thúc đẩy sự phát triển thị trường vốn: ngân hàng thương mại, công ty tài chính, thị trường chứng khoán; phát triển công cụ tài chính cần thiết: cổ phiếu, trái phiếu.

Trên cơ sở môi trường đầu tư thuận lợi có thể huy động các nguồn vốn như sau: vốn FDI, sử dụng nguồn vốn ngân sách của địa phương, vốn cho vay với lãi suất ưu đãi và vốn ODA.

3.2.3. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực trong công nghiệp

- Hỗ trợ kinh phí từ ngân sách để đào tạo cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật, thu hút cán bộ lao động có trình độ cho một số ngành công nghiệp chủ lực.

- Thực hiện đào tạo và đào tạo lại lao động trên địa bàn. Nâng cấp và phát triển các trung tâm hướng nghiệp, dạy nghề. Tăng cường liên kết đào tạo nghề với các cơ sở đào tạo lớn trong khu vực và cả nước.

- Đào tạo tại chỗ và giải quyết việc làm tại chỗ cho các hộ xã viên HTX.

3.2.4. Giải pháp về phát triển khoa học-công nghệ

Cần dành một số vốn tín dụng ưu đãi để hỗ trợ doanh nghiệp trong việc đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

Hướng dẫn doanh nghiệp xúc tiến xây dựng hệ thống tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO). Tập trung nguồn nhân lực cho công tác nghiên cứu khoa học công nghệ. Đặc biệt cần xây dựng thêm một số mô hình doanh nghiệp công nghiệp sạch.

3.3.5. Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp

Phát triển thị trường nội địa: Trước hết cần hoàn thiện hệ thống chính sách chống hàng lậu, hàng giả và ủng hộ hàng Việt Nam.

Thứ hai, xây dựng cơ chế và các chương trình liên kết hợp tác, hỗ trợ chặt chẽ giữa chính quyền qua công tác xúc tiến thương mại với các nhà sản xuất, với các kênh phân phối và người tiêu dùng.

Thứ ba, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về hàng tiêu dùng được sản xuất trong nước; kêu gọi và khuyến khích người tiêu dùng Việt Nam ưu tiên chọn hàng nội trước hàng ngoại.

Đối với thị trường nước ngoài. Cần xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về thương mại quốc tế. Cần đẩy mạnh và đa dạng hóa các hoạt động xúc tiến thương mại của huyện. Tích cực tìm kiếm thị trường thông qua các tổ chức ngoại giao.

3.3.6. Xây dựng đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật

Đặc biệt chú trọng quỹ đất để xây dựng nhà ở và các công trình phục vụ cho đời sống của người lao động trong các khu công nghiệp.

Tập trung nguồn vốn ngân sách vào các công trình trọng điểm. Nhà nước và nhà đầu tư có trách nhiệm tạo điều kiện cho nhân dân bị mất đất có đất để tái định cư, tái sản xuất, đảm bảo phúc lợi thu hút lao động trong diện thu hồi ở mức độ phù hợp.

3.3.7. Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường

Tăng cường kiểm tra, có biện pháp hướng dẫn và xử lý chất thải, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường trong quá trình sản xuất đối với các doanh nghiệp.

Di dời các cơ sở sản xuất ô nhiễm môi trường không thể khắc phục được ra khỏi các khu dân cư, thành phố và thị trấn. Đầu tư và hỗ trợ kinh phí để xây dựng các công trình xử lý ô nhiễm môi trường.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trên cơ sở phân tích thực trạng phát triển công nghiệp của huyện Điện Bàn, để thúc đẩy công nghiệp của huyện tiếp tục phát triển trong thời gian tới thì cần có các giải pháp tổng thể và đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực. Mặt khác, huyện cần tận dụng lợi thế, vượt qua khó khăn để đưa công nghiệp huyện phát triển ổn định, bền vững; từ đó làm động lực để phát triển kinh tế của huyện nói riêng và của tỉnh Quảng Nam nói chung.

KẾT LUẬN

Những năm qua cho thấy công nghiệp ngày càng khẳng định vai trò to lớn của mình trong phát triển kinh tế xã hội của huyện Điện Bàn nói riêng và của tỉnh Quảng Nam nói chung, làm thay đổi bộ mặt đời sống của huyện, là ngành có tốc độ phát triển nhanh, đem lại hiệu quả kinh tế cao, tạo ra giá trị thu nhập lớn.

Tuy nhiên trong quá trình phát triển công nghiệp huyện vẫn còn những tồn tại, hạn chế làm kìm hãm sự phát triển. Do đó, trong thời gian tới đòi hỏi sự quan tâm hơn nữa của các cấp, sự nỗ lực của các doanh nghiệp trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển đã đề ra. Để có thể phát triển công nghiệp theo hướng bền vững trong thời gian tới, huyện cần chú trọng khai thác, tận dụng tiềm năng, lợi thế của mình.

Mặc dù luận văn đã cố gắng bám sát đối tượng cũng như phạm vi nghiên cứu, song do năng lực bản thân có hạn nên một số nội dung luận văn mới chỉ dừng lại ở tính logic, tính hệ thống của vấn đề. Những đề xuất trong các giải pháp chỉ là bước đầu và cần được tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện và cụ thể hóa hơn nhằm nâng cao tính khả thi của các giải pháp. Bởi vậy luận văn không thể tránh khỏi những hạn chế và thiếu sót. Tác giả sẽ cố gắng hơn nữa nhằm nâng cao hơn nữa trình độ nhận thức của bản thân về lĩnh vực phát triển công nghiệp nói chung và phát triển công nghiệp huyện Điện Bàn tỉnh Quảng Nam nói riêng.